

Bản án số: **67/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 22 – 3 - 2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ma Thị Như Trang

Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 410/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27/12/2022 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Trần Lê Nghĩa Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn chị Trần Thị Nh và bị đơn anh Trần Lê Nghĩa Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Nh trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Lê Nghĩa Q kết hôn với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 01/12/2014 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến tháng 4/2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không có sự bàn bạc trong làm ăn, phát triển kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Trần Lê Nghĩa Q đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành, xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Lê Nghĩa Q để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Trần Lê Nghĩa Q có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 01/02/2015 và cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh Nh đến tuổi trưởng thành và giao cháu Trần Thị Ngọc M cho anh Trần Lê Nghĩa Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Trần Lê Nghĩa Q phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Minh Nh cùng chị.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Lê Nghĩa Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Nh kết hôn với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 01/12/2014 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến tháng 4/2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không có sự bàn bạc trong làm ăn, phát triển kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng với chị Trần Thị Nh đã đến mức độ trầm trọng nên nhất trí ly hôn với chị Nh để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Trần Thị Nh có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 01/02/2015 và cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc M và giao cháu Trần Minh Nh cho chị Trần Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị Trần Thị Nh phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Ngọc M cùng anh.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị Nh đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Lê Nghĩa Q thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự (còn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do).

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Nh:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Nh được ly hôn với anh Trần Lê Nghĩa Q.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022 cho chị Trần Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 01/02/2015 cho anh Trần Lê Nghĩa Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Nh và anh Trần Lê Nghĩa Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Trần Lê Nghĩa Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Trần Thị Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Lê Nghĩa Q, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Lê Nghĩa Q có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Nh đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Lê Nghĩa Q thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự (còn

vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nh và anh Trần Lê Nghĩa Q kết hôn với nhau từ năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 01/12/2014. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến tháng 4/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có sự thống nhất bàn bạc trong làm ăn, phát triển kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Cả chị Nh và anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Nh và anh Trần Lê Nghĩa Q đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Trần Thị Nh được ly hôn với anh Trần Lê Nghĩa Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Các đương sự xác định quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 01/02/2015 và cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Nh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh Nh và giao cháu Trần Thị Ngọc M cho anh Trần Lê Nghĩa Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Lê Nghĩa Q cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc M và giao cháu Trần Minh Nh cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra, cháu Trần Thị Ngọc M cũng có nguyện vọng được sống cùng với bố. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung là cháu Trần Minh Nh cho chị Trần Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Thị Ngọc M cho anh Trần Lê Nghĩa Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, đất đai, vay nợ chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Trần Thị Nh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn anh Trần Lê Nghĩa Q không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Nh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Nh được ly hôn với anh Trần Lê Nghĩa Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022 cho chị Trần Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 01/02/2015 cho anh Trần Lê Nghĩa Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Nh và anh Trần Lê Nghĩa Q không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Nh phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005913, ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Ghi nhận chị Trần Thị Nh đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn anh Trần Lê Nghĩa Q không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị Nh và bị đơn anh Trần Lê Nghĩa Q được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã H (Giấy chứng nhận kết hôn số 75, ngày 01/12/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San